

## Mô hình Thụy Điển trong một thế giới đã thay đổi - góp phần nghiên cứu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

PHẠM VĂN HANH

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ này, mô hình nhà nước phúc lợi Thụy Điển đã được nhiều người trên thế giới biết đến với những nét độc đáo của nó về mặt kinh tế - xã hội. Trong tình hình đầy biến động của thế giới ngày nay, Mô hình này bộc lộ những mặt yếu và đang phải đối phó với nhiều khó khăn và thử thách mới nảy sinh. Tuy nhiên, mô hình Thụy Điển vẫn là một đối tượng các nhà kinh tế và xã hội học ở nhiều nước nghiên cứu với mối quan tâm đặc biệt, nhất là những nước đang chuyển sang nền kinh tế thị trường ở SNG, Đông Á và một số nước đang phát triển.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu đôi nét về Mô hình Thụy Điển, quá trình hình thành, phát triển và triển vọng của nó trong một châu Á đang đi tới nhất thể hóa để làm tư liệu tham khảo cho việc nghiên cứu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

### Mô hình Thụy Điển, một chiến lược phát triển kinh tế xã hội của những người Xã hội Dân chủ Thụy Điển.

Với diện tích gần 450.000 km<sup>2</sup> và số dân khoảng 9 triệu người, Thụy Điển chỉ là một nước nhỏ trên thế giới. Tuy nhiên, ngày nay Thụy Điển được xếp vào hàng những nước công nghiệp giàu có với trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến và hiện đại, nhân dân có mức sống cao thuộc những nước hàng đầu thế giới, xã hội Thụy Điển ổn định. Thụy Điển lại được sự cảm tình, mến mộ của các lực lượng tiến bộ, các nước thế giới thứ ba bởi chính sách yêu chuộng hòa bình, bênh vực chủ quyền và độc lập của các dân tộc, bởi sự giúp đỡ hào hiệp, đầy tinh thần nhân đạo mà Thụy Điển dành cho các nước, các phong trào giải phóng dân tộc và các nước nghèo thuộc thế giới thứ ba từ những năm đầu thế kỷ 60.

### Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển, người kiến trúc và xây dựng mô hình nhà nước phúc lợi Thụy Điển.

Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển ra đời vào cuối thế kỷ 19, tức là vào thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa ở nước này. Cùng với sự lớn mạnh của đội ngũ công nhân công nghiệp, Đảng đã nhanh chóng phát triển và trở thành Đảng chính trị lớn nhất đất nước và sớm chi phối phong trào công nhân Thụy

Điển. Trong lịch sử hơn một trăm năm của mình, Đảng ở vị trí cầm quyền đến 56 năm, liên tục từ năm 1932 đến năm 1976, từ 1982 đến năm 1991 và từ năm 1994 đến nay. Hoạt động của Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển gắn liền với sự hình thành và phát triển của Mô hình Thụy Điển và Đảng là người chủ trương và thực hiện nó một thời khá thành công ở đất nước Thụy Điển trung lập có lịch sử phát triển gần 200 năm trong hòa bình.

Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển tự xem mình là một Đảng của giai cấp công nhân và chủ trương phấn đấu xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn để thay thế chế độ tư bản đương đại, một chế độ mà theo nhận thức của họ vẫn dựa trên sự áp bức giai cấp bần hàn tàn bạo. Những người Xã hội Dân chủ Thụy Điển chủ trương thực hiện mục tiêu "chủ nghĩa Xã hội Dân chủ" và nhà nước phúc lợi toàn dân thông qua việc phân phối lại sản phẩm lao động nhằm mục đích công bằng xã hội. Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển cũng cho rằng trên thực tế chưa có cơ chế quản lý kinh tế nào đã và đang tồn tại có tính hiệu quả cao hơn cơ chế quản lý của chủ nghĩa tư bản mà người ta cần phải tận dụng. Vấn đề là làm thế nào để nền kinh tế đi vào nề nếp, làm cơ sở để thực hiện việc phân phối lại trong xã hội. Đối với những người Xã hội Dân chủ Thụy Điển thì tính hiệu quả và việc phân phối lại sản phẩm lao động nhằm mục đích công bằng xã hội là vấn đề thực tiễn quan trọng bậc nhất.

Ngay từ đầu những năm 30 của thế kỷ này khi trở thành một Đảng cầm quyền, Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển đã tìm các giải pháp kinh tế phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Thụy Điển, chủ yếu dựa trên học thuyết Keynes, một học thuyết cho rằng nguyên nhân của các cuộc khủng hoảng là do thiếu hụt tổng cầu, do đó phải có sự kích thích gia tăng tổng cầu qua các chính sách tài chính, tiền tệ, thuế khóa, với sự can thiệp mạnh của Nhà nước vào đời sống kinh tế để kích thích sản xuất, giảm thất nghiệp.

Điểm nổi bật của Mô hình Thụy Điển là sự điều tiết vĩ mô một cách tích cực và năng động từ phía Nhà nước vào đời sống kinh tế và xã hội nhằm mục đích tạo ra một xã hội thịnh vượng và một Nhà nước phúc lợi toàn dân. Sự điều tiết đó được thể hiện:

- Lấy công bằng xã hội làm động lực, mục tiêu hướng tới cho mọi chính sách kinh tế - xã hội, xây dựng một hệ thống phúc lợi chung và một hệ thống bảo hiểm xã hội quy mô lớn.

- Tạo ra một cơ chế đàm phán tập trung cao độ về lao động - tiền lương giữa công đoàn và phía chủ, dựa trên sự thỏa hiệp giữa tư bản và lao động, sự "cùng tồn tại hòa bình" giữa lĩnh vực kinh tế tư nhân chi phối nền kinh tế với phong trào công đoàn hùng mạnh có tính tổ chức rất cao.

- Có một chiến lược lao động ưu tiên chống thất nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để tái tạo những công nhân có trình độ tay nghề cao, khuyến khích làm việc, chống sự lười biếng.

- Lấy hệ thống thuế, hệ thống bảo hiểm làm phương tiện phân phối lại sản phẩm xã hội, thu bớt khoảng cách về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

- Thực hiện các cải cách dân chủ, xây dựng một Nhà nước pháp quyền trong đó mọi công dân từ Nhà vua đến dân thường đều bình đẳng trước pháp luật.

- Thi hành chính sách đối ngoại trung lập tích cực nhằm tạo ra những điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc phát triển kinh tế của đất nước vốn phụ thuộc rất lớn vào các quan hệ kinh tế đối ngoại.

Tóm lại, Nhà nước thực hiện vai trò người điều hòa lợi ích giữa ba đối tượng: chủ, người làm công ăn lương và toàn xã hội, tạo nên một xã hội ôn hòa, không có sự phân cực quá tả hoặc quá hữu.

Mô hình Thụy Điển với những đặc điểm vừa nói trên, được xây dựng trên những điều kiện cụ thể của nước này là:

- Có một nền kinh tế mạnh, phát triển đến trình độ cao.

- Có một đội ngũ công nhân đông đảo, giỏi về chuyên môn, có ý thức cao về chính trị và có trình độ tổ chức cao.

- Dân tộc Thụy Điển có ý thức cao về chủ nghĩa nhân đạo, về hòa bình, công lý và tính đoàn kết cộng đồng.

Có thể nói, định hướng công bằng xã hội và mức sống cao, khá đồng đều của nhân dân là điểm phân biệt Mô hình Thụy Điển với các mô hình khác. Chẳng hạn, với Mô hình Nhật điểm then chốt là sự thịnh vượng chung của đất nước trên sự chấp nhận mức sống thấp hơn khả năng sản xuất của mỗi cá nhân, nhờ tinh thần dân tộc của người Nhật. Còn với Mô hình Mỹ, sức mạnh kinh tế của đất nước dựa trên sự làm giàu của một bộ phận dân chúng, sự thành đạt của một số cá nhân. Do đó, khác với ở Thụy Điển, xã hội Mỹ phân cực rất mạnh.

Mô hình Thụy Điển được nhà Kinh tế học có tên tuổi ở nước này, ông Jalakas hình tượng hóa một cách thô thiển khi ông ví mô hình giống như con bò sữa được giao lại cho người nông dân. Anh chàng nông dân lấy làm thích thú và hết lòng chăm sóc con bò sữa vì ý thức rằng đó là con bò của anh ta. Nhà nước không cần phải trông nom con bò mà vẫn có nhiều sữa bò (báo Tin hàng ngày, Thụy Điển, 26/01/1988).

Hình tượng trên nói lên hai điều: a) Nền kinh tế Thụy Điển do tư nhân sở hữu là chính (trên 90%), Nhà nước chỉ sở hữu dưới 10%. b) Sự điều tiết vĩ mô từ phía Nhà nước có ý nghĩa quyết định.

### **Sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước**

Cách đây hơn một trăm năm, Thụy Điển còn là một nước nghèo, chậm phát triển với 80% dân cư sống bằng nông nghiệp. Sự nghèo đói khiến cho hơn một triệu người, khoảng một phần tư dân số Thụy Điển lúc đó phải rời bỏ quê hương di cư sang Mỹ và Canada để kiếm sống. Quá trình công nghiệp hóa diễn ra muộn hơn rất nhiều so với Tây Âu và Mỹ và mới bắt đầu từ năm 1870. Thụy Điển bắt đầu đi lên bằng hai thế mạnh chính về tài nguyên thiên nhiên là rừng và quặng sắt, đồng thời sớm mở cửa để tranh thủ đầu tư nước ngoài và tiền đẻ của những người di cư gửi về cho thân nhân để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa. Cho đến những năm 30 của thế kỷ này, Thụy Điển trở thành nước công nghiệp tiên tiến ngang hàng với các nước công nghiệp khác ở châu Âu. Nhưng phải đến sau Đại chiến thế giới lần thứ II, nó mới trở thành một Nhà nước thịnh vượng.

### **Sự điều tiết của Nhà nước trong vấn đề lao động, tiền lương**

Cùng với tiến trình phát triển của nền kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, đội ngũ công nhân công nghiệp Thụy Điển lớn mạnh về số lượng và sớm có ý thức tổ chức nghiệp đoàn. Tổng công đoàn LO trở thành một tổ chức có ảnh hưởng sâu rộng trong toàn quốc, thu hút tới 90% công nhân cổ xanh và là đối trọng của SAF, Tổ chức công đoàn giới chủ. Hầu như ngay từ những năm 30, Đảng Xã hội Dân chủ đã nắm được vai trò lãnh đạo và chi phối LO. Chủ tịch LO thường là một Ủy viên Bộ Chính trị của Đảng.

Sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước, trong đó Xã hội Dân chủ là Đảng cầm quyền, được thực hiện trước hết ở khâu then chốt: điều hòa lợi ích giữa công nhân và giới chủ trong vấn đề lao động, tiền lương từ cuối những năm 30, đánh dấu bằng thỏa thuận "lịch sử" đầu tiên vào năm 1938 giữa LO và SAF. Nó đề ra quy trình giải quyết tranh chấp về lao động, tiền lương giữa chủ và thợ với phương châm: đáp ứng lợi ích của các bên, tăng việc làm, chống lạm phát, bảo đảm sức cạnh tranh của kinh tế Thụy Điển, kịp thời thay đổi kinh tế về mặt cơ cấu, giữa tốc độ tăng trưởng ổn định. Phía công đoàn đề cao chính sách đoàn kết trong nội bộ về vấn đề tiền lương. Lương được xác định theo công việc, không phụ thuộc vào lợi nhuận của công ty mà cần tính đến tình hình chung của nền kinh tế. Cơ chế đàm phán LO-SAF được cả phía chủ và phía thợ chấp nhận. Nó quyết định khung lương tối đa cho lĩnh vực công nghiệp tư nhân, được coi là mốc để xác định mức lương cho cả những đối tượng khác không phải là thành viên của LO. Hai bên đều có tính đại diện cao trong đàm phán trong khuôn khổ một thị trường lao động thống nhất. Các bên đều có ý thức trách nhiệm đối với nền kinh tế, ý thức cao về sự cân thiết điều tiết vĩ mô. Vì thế trong một thời gian khá dài, Thụy Điển tránh được sự lựa chọn của chủ nghĩa tư bản: hoặc phải chấp nhận

thất nghiệp cao, hoặc lạm phát cao. Thất nghiệp ở Thụy Điển thấp đồng thời lạm phát ở mức vừa phải. Ở Tây Âu thất nghiệp rất cao, nhưng lạm phát thường thấp hơn Thụy Điển. Trong hai thập kỷ 50 và 60, cơ chế đàm phán LO-SAF đặc biệt có hiệu quả tạo nên sự ổn định trên thị trường lao động; bãi công rất ít xảy ra.

Chiến lược lao động hướng trọng tâm vào việc tạo công ăn việc làm thông qua chính sách phát triển các địa phương, trợ cấp cho một số lĩnh vực kinh tế, đào tạo ngành nghề mới cho những người thất nghiệp trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động. Việc trợ cấp thất nghiệp được thực hiện ở mức bảo đảm sống tối thiểu, nhưng quan trọng hơn là việc đào tạo ngành nghề mới cho họ để tái tạo việc làm. Cục lao động Thụy Điển (AMS) thực hiện hai chức năng: trợ cấp thất nghiệp và đào tạo lại người thất nghiệp, AMS sẽ cắt khoản trợ cấp thất nghiệp nếu nó đã tìm giúp được việc làm thích hợp nhưng đương sự không chịu đi làm. Đây là biện pháp để phòng sự lười biếng và ăn bám.

#### **Nhà nước phân phối lại sản phẩm xã hội**

Thuế: thuế được dùng làm phương tiện phân phối lại sản phẩm xã hội. Thuế ở Thụy Điển bằng 56,8% tổng sản phẩm xã hội, mức cao gần như nhất thế giới (Pháp 43,9%, Nhật 31,3%, Mỹ 29,8%). Hệ thống thuế ở Thụy Điển rất phức tạp, nhiều loại nhưng quan trọng nhất là thuế thu nhập. Mọi người dân đều có nghĩa vụ nộp thuế và được hưởng phúc lợi chung được xây dựng bằng tiền thuế. Thuế thu nhập được tính theo lũy tiến: càng thu nhập cao tỉ lệ nộp thuế càng lớn. Trung bình người ta phải dùng hơn một nửa thu nhập để đóng thuế. Thuế đánh vào người làm thêm ngoài giờ lên tới 80% thu nhập. Các chủ xí nghiệp còn phải đóng góp tiền trợ cấp ốm đau, tiền hưu trí, thuế xí nghiệp.

#### **Hệ thống phúc lợi và bảo hiểm**

Hệ thống phúc lợi và hệ thống bảo hiểm rộng lớn được xây dựng bằng tiền thuế, các loại chi phí, thu nhập của các xí nghiệp nhà nước. Riêng các chủ xí nghiệp đóng góp trên 40% quỹ phúc lợi xã hội. Chi phí xã hội trung bình chiếm 43% quỹ lương của các xí nghiệp. Hệ thống phúc lợi và bảo hiểm gắn liền với khu vực công cộng và dịch vụ.

#### **Nhà nước phúc lợi**

Nhà nước phúc lợi Thụy Điển trở thành hiện thực là một thành công bước đầu của chiến lược kinh tế xã hội của Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển. Do biết phát huy thế mạnh về tiềm năng thiên nhiên để ra được những giải pháp phù hợp về kinh tế xã hội và phúc lợi được các điều kiện quốc tế thuận lợi, Thụy Điển đã phát triển thành một trong những nước giàu nhất thế giới sau một khoảng thời gian tương đối ngắn. Mô hình Thụy Điển đạt tới đỉnh cao thắng lợi vào thập kỷ 60. Khi đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế

hàng năm đạt trên dưới 5%, mức sống của người dân được nâng cao nhanh chóng về vật chất và tinh thần, điều kiện lao động và điều kiện sống được cải thiện; lương tăng nhanh đồng thời giảm thời gian làm việc. Hầu hết mọi người đến tuổi lao động có việc làm. Mọi người Thụy Điển không phân biệt địa vị xã hội và xuất sứ giai cấp, đều được hưởng một cách bình đẳng hệ thống phúc lợi chung về y tế, giáo dục, dịch vụ công cộng, được chăm sóc từ khi còn thơ bé và lúc tuổi già.

**Quan tâm đến con người và chất lượng cuộc sống con người, đến công bằng xã hội - đó chính là nét đặc sắc của Mô hình Thụy Điển.** Điều hòa lợi ích giữa những con người; một nền dân chủ trong kinh tế và xã hội thường xuyên được hoàn thiện trên cơ sở xây dựng một nhà nước pháp quyền là nhân tố quan trọng nhất làm cho xã hội Thụy Điển duy trì được ổn định và tình trạng ôn hòa.

Những mặt tốt của Mô hình Thụy Điển làm cho nó được sự cảm tình hơn so với những mô hình khác như Mô hình Nhật hay Mô hình Mỹ... Tuy vậy, bản thân nó cũng mới chỉ là một sự thử nghiệm, chưa phải đã hoàn thiện, và còn chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Nền kinh tế vẫn tập trung trong tay một số ít những nhà tư bản. Xã hội Thụy Điển vẫn còn nhiều bất công.

#### **Mô hình Thụy Điển trong một thế giới đã thay đổi.**

Một nền kinh tế mạnh là sự bảo đảm cho việc tiếp tục duy trì Mô hình Thụy Điển. Thực tế cho thấy mô hình đó chỉ chứng tỏ sức sống của nó trong một khoảng thời gian vài thập kỷ và sớm bộc lộ những mặt yếu khi nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới lâm vào những chu kỳ khủng hoảng từ đầu thập kỷ 70. Cuộc khủng hoảng dầu lửa vào năm 1973 và khủng hoảng kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa, hai cuộc khủng hoảng kinh tế Thụy Điển những năm 1975-1978 và 1980-1981 là những đòn nặng nề giáng vào Mô hình Thụy Điển. Cho đến nay những mâu thuẫn và khó khăn của mô hình đó vẫn chưa được giải quyết một cách hữu hiệu:

- Hệ thống phúc lợi đồ sộ gắn liền với khu vực công cộng phình to với chi phí chiếm tới 66% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và một hệ thống bảo hiểm nặng tính quan liêu đã vượt quá sức chịu đựng của nền kinh tế. Đây là nguyên nhân sâu xa, tiềm tàng của tình trạng khủng hoảng của Mô hình Thụy Điển hiện nay.

- Do mức lương quá cao, chi phí lao động bị kéo lên đến mức gần như cao nhất thế giới, sức cạnh tranh của các công ty Thụy Điển bị suy yếu rất nghiêm trọng làm Thụy Điển mất dần thị trường vào tay các đối thủ cạnh tranh như Đức, Pháp, Mỹ, Nhật Bản. Nền kinh tế Thụy Điển buộc phải thay đổi cơ cấu từ giữa thập kỷ 70. Một số ngành công nghiệp mũi nhọn truyền thống như đóng tàu, luyện kim phải



đóng cửa hoặc giảm sản xuất, nhường chỗ cho những ngành kỹ thuật cao cấp.

- Khả năng điều tiết trên tâm vĩ mô trong vấn đề tiền lương từ phía nhà nước giảm mạnh khi cơ chế đàm phán tập trung LO-SAF đã bị phá vỡ trong thời gian Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển thất cử trở thành Đảng đối lập (1876-1982). Cơ chế này vỡ trước hết vì mâu thuẫn, chia rẽ trong nội bộ phong trào công đoàn cổ xanh chiếm đa số nhưng có xu hướng yếu đi, với các tổ chức công đoàn cổ trắng mạnh dần lên theo nhịp độ thay đổi cơ cấu của nền kinh tế và do sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Năm 1978, TCO, một tổ chức công đoàn cổ trắng có thế lực nhất đòi bỏ trật tự cũ, dùng ra đàm phán trực tiếp với phía công đoàn chủ ở cấp tương đương. Kinh tế khó khăn đã làm xói mòn truyền thống đoàn kết, nhường nhịn lẫn nhau trong vấn đề lao động tiền lương giữa công đoàn các ngành khác nhau. Phía chủ cũng muốn có sự thay đổi và không ủy nhiệm cho SAF đàm phán với LO về khung lương tối đa như trước nữa. Đàm phán LO-SAF mất đi tính ràng buộc mà chỉ còn mang tính chất khuyến nghị mà thôi. Trên nguyên tắc xác định mức lương có tính đến năng suất lao động và giá cả quốc tế, LO-SAF khuyến nghị mức lương tối đa mà nền kinh tế có thể chịu đựng được. Song, trái với mong muốn của phía chủ, các hợp đồng về tiền lương riêng rẽ thường cao hơn khung lương tối đa đó, để ra tình trạng chênh lệch lương khá lớn giữa các ngành kinh tế mà hậu quả là kích thích tâm lý ghen tị và các cuộc đàm phán về lao động tiền lương trên quy mô cả nước thường diễn ra rất gay gắt và kéo dài. Nhiều cuộc bãi công lớn, thậm chí với quy mô toàn quốc như năm 1980 đã nổ ra. Khi Đảng Xã hội Dân chủ trở lại cầm quyền, họ cũng không thể khôi phục được cơ chế đàm phán cấp Trung ương LO-SAF. Nó được nối lại năm 1984, nhưng chỉ hạn chế đối với một số ngành dịch vụ như khách sạn, thương nghiệp, dịch vụ công cộng và cũng chỉ mang tính chất khuyến nghị.

- Khả năng phân phối lại sản phẩm xã hội từ phía Nhà nước thông qua hệ thống thuế, bảo hiểm không còn được dễ dàng như trước vì chúng không còn phù hợp trong tình hình mới. Mức thuế ở Thụy Điển vào loại cao nhất thế giới đã trở thành nhân tố kìm hãm nền kinh tế: nó không kích thích sản xuất mà còn góp phần đẩy lạm phát và giá thành lên cao. Nhiều công ty lớn của Thụy Điển chuyển hướng đầu tư ra bên ngoài, nơi có mức lương và mức thuế thấp hơn ở Thụy Điển. Năm 1989, đầu tư của Thụy Điển ở nước ngoài tăng gần 40% trong khi đầu tư ở trong nước chỉ tăng 10%.

- Bên cạnh mặt tích cực, mặt trái của Nhà nước phúc lợi là dần dần tạo cho con người thói quen với mức sống cao, hưởng thụ và tiêu sài hơn mức sản xuất; nhiều tiêu cực nảy sinh như việc không ít người lợi dụng những quy định rộng rãi, thiếu chặt chẽ của hệ thống bảo hiểm. Một người có thể nghĩ "ôm" một

tuần, ăn nguyên lương, mặc dù thực tế anh ta không hề ốm vì lẽ với thời gian một tuần đó, quy định không đòi hỏi cần có giấy chứng nhận của bác sỹ. Năm 1990, tỷ lệ nghỉ ốm trong công nghiệp Thụy Điển lên tới 25% số người làm việc trong năm, gấp hai lần ở EU. Những năm gần đây, ý thức kỷ luật lao động ở Thụy Điển không còn được coi là mẫu mực như trước. Tình trạng bạo lực, nghiện ma túy, bệnh xã hội nhất là trong thanh niên có xu hướng tăng lên. Việc Thủ tướng Palme bị ám sát tháng 2 năm 1986 đánh dấu đỉnh cao của tình trạng khủng hoảng Mô hình Thụy Điển về mặt xã hội.

Rõ ràng là trong tình hình đã thay đổi ở trong nước và trên thế giới, Mô hình Thụy Điển không thể tiếp tục tồn tại nếu không có những thay đổi đau đớn cần thiết.

Thực ra, ngày từ khi trở lại cầm quyền năm 1982, Đảng Xã hội Dân chủ Thụy Điển đã bắt đầu thực hiện điều chỉnh chính sách kinh tế - xã hội, song từ đầu năm 1990 mới có những quyết sách lớn mang tính chất chuyển hướng chiến lược:

- Về kinh tế, tập trung giải quyết vấn đề trọng tâm là lấy lại sức cạnh tranh và đẩy năng suất lao động lên. Điểm mấu chốt để thành công là kéo giá thành xuống bằng mọi cách, kể cả sự can thiệp trực tiếp và kiên quyết khi cần của Chính phủ vào các cuộc đàm phán về lao động, tiền lương để thuyết phục hoặc thậm chí buộc các bên chấp nhận mức tăng lương vừa phải, sao cho hàng hóa, dịch vụ của Thụy Điển chỉ ít là không đắt hơn các đối thủ cạnh tranh. Đồng thời, tiếp tục điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tăng đầu tư hơn nữa cho khoa học kỹ thuật, nhất là kỹ thuật cao cấp.

- Chuyển hướng từ ưu tiên chống thất nghiệp sang ưu tiên chống lạm phát (tỷ lệ lạm phát của Thụy Điển thường cao gấp hai lần mức trung bình của OECD và năm 1990 lên đến gần 11%). Việc chấp nhận tăng thất nghiệp sẽ làm giảm sức ép đòi tăng lương. Bình thường, thất nghiệp ở Thụy Điển dưới mức 2%, nhưng đã tăng lên trên 10% trong hai năm gần đây.

Cải cách triệt để hệ thống thuế, bắt đầu từ năm 1991: Điểm trọng tâm là giảm mạnh thuế thu nhập, từ mức trung bình chiếm 50% thu nhập, xuống còn khoảng 30% thu nhập, đồng thời tăng hàng loạt các loại thuế khác như thuế giá trị gia tăng TVA đánh vào hàng hóa và dịch vụ, thuế năng lượng, thuế nhà cửa, định ra nhiều loại thuế và phí mới. Mục đích là khuyến khích sản xuất và tiết kiệm, đồng thời giữ mức thu nhập hầu như không giảm cho ngân sách Nhà nước.

- Tư nhân hóa và cổ phần hóa nhiều doanh nghiệp Nhà nước làm ăn không có lãi, tư nhân hóa một phần dịch vụ y tế và giáo dục mầm non.

- Bỏ các trở ngại cho việc đầu tư nước ngoài vào Thụy Điển mà trước đây được quy định để bảo hộ công nghiệp trong nước, cho nước ngoài được phép tự do mua các công ty Thụy Điển, đồng thời bỏ bảo hộ mậu dịch đối với hàng dệt, nông sản để cho người tiêu dùng tự quyết định thị trường.

- Giảm biên chế bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương, đã giảm 10% trong những năm 1991-1993.

- Duy trì hệ thống phúc lợi đã hình thành nhưng ở mức thấp hơn, phù hợp với khả năng kinh tế cho phép, đồng thời đổi mới phương thức quản lý và sử dụng nó sao cho có hiệu quả và tiết kiệm.

Tháng 11 năm 1990, lần đầu tiên từ năm 1932, Chính phủ đã đưa ra các biện pháp khắc khổ, mát lòng dân: giảm mạnh chi tiêu công cộng, cắt giảm phúc lợi xã hội như trợ cấp ốm đau, trợ cấp thất nghiệp, lương hưu trí (xuống còn 80% mức lương chính), giảm trợ cấp cho những người nước ngoài nhập cư vào Thụy Điển, giao cho các chủ xí nghiệp trực tiếp kiểm tra và thực hiện trợ cấp ốm đau cho những người làm trong xí nghiệp trong 2 tuần nghỉ ốm đầu tiên (là thời gian tỷ lệ ốm giả cao nhất).

Giảm viện trợ phát triển từ mức bằng 1% GNP xuống còn 0,7% GNP (1996).

Những người làm chính sách và những người lãnh đạo đất nước nhận thức rõ sự cần thiết của chính sách khắc khổ đó. Song với người dân Thụy Điển việc đó không được chấp nhận một cách dễ dàng, cho dù họ sẽ phải thay đổi lối sống, phải nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân để duy trì sự phồn vinh của cả cộng đồng.

Giống như một ca đại phẫu thuật, những biện pháp cải cách đau đớn đó đòi hỏi sự ủng hộ của đa số mạnh ở Quốc hội và đất nước cần có một Chính phủ mạnh. Gần đây, truyền thống hợp tác theo "khối", tả với tả, hữu với hữu hình thành vững chắc từ sau Đại chiến thế giới II bị phá vỡ do xuất hiện xu hướng thay đổi liên minh. Từ trước cuộc bầu cử Quốc hội năm 1988, Đảng Xã hội Dân chủ chủ yếu dựa vào Đảng Cánh tả để cầm quyền, sau quay sang tìm kiếm sự hợp tác với các Đảng cánh hữu trong những vấn đề cụ thể là chính, vượt qua trở ngại về ý thức hệ. Trong khối hữu đặc biệt có Đảng Trung tâm từ gần chục năm nay tách ra đi với Đảng Xã hội Dân chủ trong rất nhiều vấn đề, nổi bật là trong chính sách phân phối, công bằng xã hội.

Hơn năm mươi năm qua, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của những người Xã hội Dân chủ Thụy Điển đã biến Thụy Điển từ một nước nghèo thành một

nước giàu có và thanh bình. Tuy vậy những biến đổi cực kỳ to lớn từ giữa những năm 70, đặc biệt là sự bùng nổ của cuộc đại cách mạng Khoa học kỹ thuật hiện đại làm thay đổi một cách cơ bản tính chất và trình độ lực lượng sản xuất, cũng như sự phân công lao động quốc tế mới; một trật tự an ninh mới đang hình thành ở Châu Âu và trên thế giới. Trong tình hình đó, "ốc đảo phồn vinh Thụy Điển" không còn có thể tồn tại một cách biệt lập. Tương lai của Mô hình Thụy Điển giờ đây gắn với việc Thụy Điển tham gia quá trình nhất thể hóa Châu Âu, một khu vực lợi ích sống còn của Thụy Điển.

Cùng với việc kết thúc chiến tranh lạnh và sự đối đầu Đông - Tây, chính sách trung lập truyền thống không còn là một cản trở cho việc Thụy Điển hội nhập khu vực. Cuối năm 1990, bốn đảng lớn ở Quốc hội với một đa số tuyệt đối đã thỏa thuận Thụy Điển sẽ gia nhập EU nhưng vẫn duy trì chính sách trung lập truyền thống. Đây là sự thay đổi có tính chất bước ngoặt trong chính sách đối ngoại của Thụy Điển thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ II.

Năm 1995, Thụy Điển chính thức gia nhập Liên minh châu Âu, EU. Hội nhập khu vực, đáp ứng lợi ích thiết thân của Thụy Điển trong một thế giới đã thay đổi, trước hết là lợi ích kinh tế - cơ sở để duy trì và nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống của nhân dân.

Bên cạnh lợi ích cơ bản và lâu dài, cái giá mà Thụy Điển phải trả trước mắt cho việc tham gia EU sẽ là tạm thời giảm phúc lợi và mức sống, thất nghiệp tăng, các tiêu chuẩn của Thụy Điển vốn cao hơn Tây Âu về hàng hóa, dịch vụ, điều kiện môi trường làm việc và môi trường thiên nhiên sẽ kém đi vì mục tiêu hàng đầu của EU là nâng cao sức cạnh tranh trong cuộc chạy đua với Mỹ, Nhật.

Tương lai sẽ ra sao đối với "Mô hình Thụy Điển" - mà đặc trưng của nó là kết hợp chặt chẽ tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, Nhà nước giữ vai trò điều tiết đối với nền kinh tế mà sở hữu tư nhân là chính, định hướng công bằng xã hội cộng với cải cách dân chủ và Nhà nước pháp quyền - trong một Châu Âu nhất thể hóa? Đây là còn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp chắc chắn. Tuy nhiên, điều cốt lõi của "Mô hình Thụy Điển" là định hướng công bằng xã hội - thành quả đấu tranh lâu dài của nhân dân lao động Thụy Điển, có cơ sở để tồn tại và phát triển, dù phương thức thực hiện định hướng đó sẽ thay đổi trong những điều kiện mới của một châu Âu nhất thể hóa.